

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1073 /QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 02 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH ĐỒNG NAI

Về việc điều chỉnh Quyết định số 147/QĐ.CT.UBT ngày 21/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh và thu hồi đất do Trường Trung học Lâm nghiệp số 2 (nay là Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2) quản lý, sử dụng giao lại cho UBND huyện quản lý tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 180/TTr.TNMT ngày 06 tháng 3 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. 1. Điều chỉnh diện tích giao đất tại Quyết định số 147/QĐ.CT.UBT ngày 21/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh như sau: Chấp thuận giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2 (Trường Trung học Lâm nghiệp số 2 cũ) để sử dụng vào mục đích làm trường học với diện tích 204.279,0m² đất, trong đó:

- Diện tích 183.882,5m² đất phù hợp quy hoạch, thời hạn sử dụng là lâu dài.

- Phần diện tích 20.396,5m² đất nằm trong quy hoạch đất giao thông Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2 phải giữ nguyên hiện trạng, khi Nhà nước thực hiện quy hoạch sẽ bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định.

2. Thu hồi 46.811,7m² đất do Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2 đang quản lý, trong đó có 9.733,9m² đất đã được Chủ tịch UBND tỉnh giao cho Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2 tại Quyết định số 147/QĐ.CT.UBT

ngày 21/01/2002 và 37.077,8m² đất do trường đang quản lý nhưng chưa có quyết định giao đất của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Giao toàn bộ diện tích 46.811,7m² đất thu hồi trên cho UBND huyện Trảng Bom để quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư và giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cán bộ, giáo viên của Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2 và các đối tượng liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:

- Thông báo cho Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2 nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

- Xác định cụ thể mốc giới và bàn giao đất trên thực địa cho UBND huyện Trảng Bom và Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2.

- Trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

- Chỉ đạo Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính.

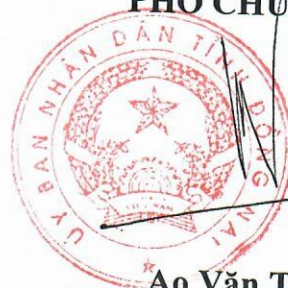
2. UBND huyện Trảng Bom có trách nhiệm: lập quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư và giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cán bộ, giáo viên của Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2 và các đối tượng liên quan khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Đồng Nai; Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom, Chủ tịch UBND thị trấn Trảng Bom, Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp - cơ sở 2; Các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Ao Văn Thịnh

UBND TỈNH ĐỒNG NAI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1398 /SXD-QLQH Biên Hòa, ngày 12 tháng 9 năm 2008

V/v Thỏa thuận tổng mặt bằng sử dụng
đất dự án cơ sở 2 Đại học lâm nghiệp.

Kính gửi : Trường đại học Lâm nghiệp

Sở Xây dựng nhận được Tờ trình số 261/ĐHLN ngày 13/8/2008 của Trường đại học Lâm nghiệp về việc đóng góp ý kiến quy hoạch chi tiết Trường đại học Lâm nghiệp Cơ sở 2 .

Căn cứ Quyết định số: 4131/QĐ.UBT ngày 31/12/1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ.CT.UBT ngày 22/02/2002 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt bản đồ chồng ghép quy hoạch tỷ lệ 1/2000 khu trung tâm thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Qua xem xét hồ sơ, đối chiếu với quy hoạch tại khu vực, Sở Xây dựng thống nhất thỏa thuận mặt bằng tổng thể sử dụng đất dự án Trường đại học Lâm nghiệp Cơ sở 2 với nội dung như sau :

1. Vị trí, quy mô:

a. Vị trí : Tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom

b. Quy mô dự án : Khoảng 18.400 m².

c. Chức năng quy hoạch sử dụng đất : Căn cứ quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/2000 thị trấn Trảng Bom vị trí dự án thuộc chức năng sử dụng đất giáo dục.

2. Các chỉ tiêu quy hoạch – kiến trúc:

2.1. Lộ giới các tuyến đường có liên quan:

- + Đường Trần Phú giới hạn phía Tây dự án lộ giới 20,5m .
- + Đường Cách Mạng Tháng 8 giới hạn ranh phía Bắc dự án lộ giới 15m.
- + Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa giới hạn ranh phía Nam dự án lộ giới 30m.
- + Đường Lê Hồng Phong giới hạn ranh phía Đông dự án lộ giới 20,5m.

2.2. Chỉ giới xây dựng:

Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ các tuyến đường tối thiểu 6m.

2.3. Diện tích đất xây dựng:

a. Bảng cân bằng sử dụng đất toàn khu:

STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Khu hành chính	24.000	13,04
2	Khu học tập nghiên cứu	22.400	12,17
3	Ký túc xá	24.000	13,04
4	Khu dịch vụ	7.500	4,08
5	Khu giáo dục thể chất	44.000	23,91
6	Khu thực nghiệm, xưởng thực hành	20.000	10,87

7	Đất giao thông	29.100	15,82
8	Đất công viên cây xanh vườn hoa	13.000	7,07
	Tổng cộng	184.000	100

2.4 Mật độ xây dựng trung bình toàn khu tối đa 40%.

2.5 Tầng cao xây dựng công trình tối đa 09 tầng.

3. Các vấn đề có liên quan cần lưu ý khi thực hiện hồ sơ thiết kế :

- Phương án kiến trúc công trình ngoài hình thức đính kèm, cần phải phù hợp quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn thiết kế và các qui định có liên quan hiện hành.

- Về PCCC cần đảm bảo thực hiện theo quy định về PCCC của Công an phòng cháy chữa cháy.

- Về hạ tầng kỹ thuật: Cần đảm bảo sự nối kết đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật của dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của đô thị và các yêu cầu của các cơ quan quản lý chuyên ngành. Đề nghị cập nhật ranh giới của dự án, cập nhật lộ giới của các tuyến đường theo quy hoạch.

- Về cảnh quan kiến trúc: hài hòa về không gian cảnh quan kiến trúc xung quanh, phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 khu vực.

Trên đây là một số nội dung thỏa thuận mặt bằng tổng thể sử dụng đất dự án Trường đại học Lâm nghiệp Cơ sở 2. Trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng dự án, Sở Xây dựng đề nghị chủ đầu tư lập hồ sơ thiết kế cơ sở trình duyệt theo quy định./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLQH;

<E:\Tminh\ CV\ 080731>

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



LÝ THÀNH PHƯƠNG

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/08 /UBND-QLĐT

Trảng Bom, ngày 15 tháng 9 năm 2008

V/v: Thỏa thuận quy hoạch chi
tiết quy hoạch 1/500 Cơ sở 2
Trường Đại Học Lâm Nghiệp.

Kính gửi: Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp.

UBND Huyện có nhận được công văn số 111/CS2-TCHC ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp v/v xin ý kiến quy hoạch chi tiết Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp giai đoạn 2009 - 2020.

Căn cứ nội dung văn bản số 1398/SXD-QLQH ngày 12 tháng 9 năm 2008 của Sở Xây Dựng Đồng Nai v/v Thỏa thuận tổng mặt bằng sử dụng đất dự án cơ sở 2 Đại học lâm nghiệp.

Sau khi xem xét, Chủ tịch UBND Huyện có ý kiến như sau:

- Thống nhất với Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp về các nội dung quy hoạch chi tiết quy hoạch 1/500 Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp đã được thỏa thuận với Sở Xây Dựng.

- Đề nghị Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp trong quá trình triển khai quy hoạch trên, phải liên hệ với UBND Huyện, các Phòng Ban chức năng, UBND Thị trấn Trảng Bom và các cơ quan quản lý để đấu nối hệ thống điện, thoát nước, cấp nước... vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung đô thị.

Trên đây là ý kiến của UBND Huyện, đề nghị Cơ sở 2 Trường Đại Học Lâm Nghiệp căn cứ thực hiện./.

Nơi nhận

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT;
- Chánh, phó VP HĐND-UBND Huyện;
- Phòng QLĐT;
- UBND Thị trấn Trảng Bom;
- Lưu VP, TH-QLĐT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Thiết kế quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể
Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2009-2020
Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Các Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng về Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 03/2008/QĐ-BXD ngày 31/3/2008 của Bộ Xây dựng về nội dung thể hiện, thuyết minh đối với nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 127/CP ngày 19/8/1964 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 240/QĐ-BNN-TCCB ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc thành lập Cơ sở 2 Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3585/QĐ-BNN-TCCB ngày 14/11/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về Chiến lược phát triển Trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Chiến lược phát triển Cơ sở 2 Trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2009 - 2015, tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 02/4/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc Điều chỉnh Quyết định số 147/QĐ.CT.UBT ngày 21/01/2002 của Chủ tịch UBND tỉnh và thu hồi đất do Trường Trung học lâm nghiệp số 2 (nay là Cơ sở 2 - Đại học Lâm nghiệp) quản lý, sử dụng giao lại cho UBND huyện quản lý tại Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom;

Căn cứ Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 07/5/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, kế hoạch sử dụng đất chi tiết kỳ cuối 2006-2010 tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 3033/QĐ-BNN-KH ngày 18/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép Lập dự án đầu tư Cơ sở 2 Trường Đại học Lâm nghiệp (Trường Trung học lâm nghiệp số 2 cũ);

Căn cứ Quyết định số 1237/QĐ-BNN-KH ngày 30/5/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề cương, dự toán chi phí chuẩn bị thực hiện dự án trên;

Căn cứ Văn bản số 1398/SXD-QLQH ngày 12/9/2008 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai thoả thuận Tổng mặt bằng sử dụng đất dự án Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 2408/UBND-QLĐT ngày 15/9/2008 của UBND huyện Trảng Bom thoả thuận Quy hoạch chi tiết quy hoạch 1/500 Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp;

Xét Tờ trình số 248/TTr-ĐHLN-ĐT ngày 07/7/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp xin phê duyệt Thiết kế quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2009 – 2020 tại Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai và các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của các Vụ trưởng: Vụ Kế hoạch, Tổ chức cán bộ, Tài chính, Khoa học, công nghệ và môi trường, Cục trưởng Cục Quản lý xây dựng công trình kèm theo Báo cáo thẩm định số 1180/XD-TĐ ngày 09 / 7 /2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Thiết kế quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2009 – 2020 (tại Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai) với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Thiết kế quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp.

2. Chủ đầu tư: Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp.

3. Đơn vị lập quy hoạch: Công ty Tư vấn xây dựng và PTNT 1.

4. Địa điểm: Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

5. Mục tiêu: Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Trường nhằm:

- Định hướng phát triển không gian có tính đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển về quy mô, chất lượng, năng lực đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề cho nông dân (thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề cho nông dân theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X).

- Kế thừa sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, định hướng đầu tư xây dựng có tổ chức và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt, tạo cảnh quan môi trường sư phạm và đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng Trường theo từng giai đoạn.

6. Phạm vi, ranh giới khu đất quy hoạch.

6-1. Phạm vi: Khu đất khảo sát, quy hoạch được xác định theo Quyết định số 1073/QĐ-UBND ngày 02/4/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai .

Tổng số: 20,428 ha.

Trong đó: -Diện tích đất quy hoạch giao thông: 2,040 ha.

-Diện tích nghiên cứu quy hoạch: 18,388 ha

6-2. Ranh giới: Nằm trong địa giới hành chính của Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

-Phía Bắc: Giáp đường đất của địa phương, sau này sẽ quy hoạch thành đường nội thị.

-Phía Đông: Giáp khu đất tập thể gia đình cán bộ công nhân viên của Trường.

-Phía Tây: Giáp đường đô thị mới mở (đường Trần Phú).

-Phía Nam: Giáp đường đất + đường tàu hoả, sau này quy hoạch thành đường vành đai của thị trấn Trảng Bom.

7. Quy mô nghiên cứu và tính chất quy hoạch :

7-1. Quy mô: Theo Quyết định số 493/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Chiến lược phát triển Cơ sở 2 Trường Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2009 – 2015, tầm nhìn đến năm 2020.

-Tổ chức, nhân lực: Tổng số cán bộ, giáo viên của Trường đến năm 2020: 258 người.

-Quy mô đào tạo: Đến năm 2020, tổng số học sinh đã quy đổi là 5.480 hs/năm.

- Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch: 18,388 ha.

7-2. Tính chất quy hoạch: Quy hoạch cải tạo và xây dựng mới các công trình dân dụng nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho Cơ sở 2 Đại học lâm nghiệp phục vụ công tác học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, ứng dụng và khảo nghiệm các tiến bộ kỹ thuật trong nước cũng như ngoài nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

8. Thời hạn nghiên cứu: Quy hoạch định hình đến năm 2020.

9. Chiều cao quy hoạch: Có khống chế.

10. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

10-1. Quy hoạch cơ cấu sử dụng đất và phân khu chức năng (Bản vẽ QH-03):

TT	NỘI DUNG	DIỆN TÍCH (m ²)		TỶ LỆ (%)
		Hiện trạng	Quy hoạch	
	Tổng diện tích nghiên cứu	183.883	183.883	100
1	Khu hành chính	51.600	24.000	13,05
2	Khu học tập, nghiên cứu		24.400	13,27
3	Khu ký túc xá		24.000	13,05
4	Khu giáo dục thể chất		44.000	23,93
5	Khu dịch vụ		7.500	4,08
6	Đường giao thông	9.500	26.983	14,67
7	Khu thực nghiệm, xưởng thực hành	122.783	20.000	10,88
8	Công viên, cây xanh		13.000	7,07

10-2. Các chỉ tiêu quy hoạch:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu	Diện tích (m ²)
1	Các phân khu chức năng	78,26%	143.900
	- Diện tích chiếm đất xây dựng		29.249
	- Diện tích sàn xây dựng		67.396
	- Mật độ xây dựng (%)	20,4	
	- Hệ số sử dụng đất (lần)	0,47	
2	Giao thông	14,67%	26.983
3	Công viên, cây xanh, sân vườn...	7,07%	13.000
	Tổng cộng	100%	183.883

10-3. Các giải pháp tổ chức không gian kiến trúc. (Bản vẽ QH-06).

10-3-1. Phân khu chức năng:

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH X.D (M ²)	DIỆN TÍCH SÀN (M ²)			SỐ TẦNG
			TỔNG	CẢI TẠO	BỔ SUNG	
	Quy mô toàn trường	29.295	67.442	5.193	62.249	1-8
1	Khu hành chính	4.360	11.822		11.822	1-8
-	Nhà hiệu bộ (số 1.a)	960	5.480		5.480	2-8
-	Nhà hội trường 1000 chỗ (số 1.b)	1.200	1.392		1.392	1-2
-	Nhà thư viện, thông tin (số 1.c)	1.700	4.450		4.450	2-3
-	Nhà ga ra ô tô (số 1.d)	180	180		180	1
-	Ga ra xe đạp, xe máy (số 1.e)	220	220		220	1

-	Cổng, thường trực (số 1.g)	100	100		100	1
2	Khu học tập, nghiên cứu	5.404	12.712		12.712	1-7
-	Nhà học lý thuyết, 2 nhà (số 2.a và 2.b)	875	6.127		6.127	7
-	Nhà giảng đường 200 chỗ (số 2.c)	973	973		973	2
-	Nhà giảng đường 150 chỗ (số 2.d)	720	1.440		1.440	4
-	Nhà thực hành thí nghiệm (số 2.e)	667	2.003		2.003	3
-	Nhà để xe học sinh (số 2.g)	2.169	2.169		2.169	1
3	Khu ký túc xá	5.887	27.650	4.443	23.207	1-8
-	Nhà ở học sinh, 5 nhà (số 3.a, 3.b, 3.c, 3.d, 3.e)	2.850	22.800		22.800	8
-	Nhà ở học sinh, 2 nhà (số 3.h, 3.i)	1.018	2.438	2.438		2-3
-	Nhà khách, tập thể giáo viên (số 3.g)	393	786	786		2
-	Nhà câu lạc bộ sinh viên (sinh hoạt chung – số 3.j)	714	714	714		1
-	Trạm y tế (số 3.k)	320	320	261	59	1
-	Nhà để xe học sinh (số 3.l)	542	542	194	348	1
-	Cổng, thường trực (số 3.m)	50	50	50		1
4	Khu dịch vụ	1.667	3.281	750	2.531	2
	Nhà ăn uống, căng tin (số 4.a)	1.667	3.281	750	2.531	2
5	Khu giáo dục thể chất	2.827	2.827		2.827	1
-	Nhà luyện tập, thi đấu (số 5.a)	1.583	1.583		1.583	1
-	Sân bóng đá (số 5.b)	12.032				
-	Sân bóng chuyền, 2 sân (số 5.c)	1.280				
-	Sân bóng rổ, 2 sân (số 5.d)	720				
-	Bể bơi ngoài trời, phụ trợ (số 5.e)	1.200	1.200		1.200	1
-	Vệ sinh công cộng (số 5.g)	44	44		44	1
6	Khu thực nghiệm (ngành lâm sinh), xưởng thực hành	9.150	9.150		9.150	1
-	Nhà lưới thực nghiệm lâm sinh (số 6.a)	6.000	6.000		6.000	1
-	Xưởng thực hành (số 6.b)	3.000	3.000		3.000	1
-	Nhà điều hành sản xuất (số 6.c)	100	100		100	1
-	Cổng, thường trực (số 6.d)	50	50		50	1

10-3-2. Một số giải pháp cụ thể: Trục không gian chính của toàn trường được tổ chức theo hai hướng Bắc – Nam và Đông – Tây, xây dựng các công trình chính sau:

a. *Khu hành chính:* Từ cổng chính đi vào, nằm phía Bắc trục đường chính:

- Nhà hiệu bộ (số 1.a): Là công trình quan trọng của trường, được tổ chức thành một khối lớn phát triển cả hai chiều ngang và đứng, khối ngang 2 tầng chạy dài song song với đường Trần Phú, khối 8 tầng ở giữa mang đường nét kiến trúc hiện đại, vươn cao, thanh thoát tạo điểm nhấn kiến trúc mạnh mẽ, mang lại sự bề thế và hoành tráng cho công trình.

- Nhà hội trường (số 1.b): Nằm tiếp giáp nhà hiệu bộ về phía Bắc, quay vuông góc với đường Trần Phú, tạo một không gian sân quảng trường cho nhà hiệu bộ; với góc nhìn rộng, nằm tách biệt, nổi bật nét kiến trúc của công trình văn hoá công cộng.

-Nhà thư viện, thông tin (số 1.c): Nằm tiếp giáp phía sau nhà hiệu bộ, trên trục đường chính, tạo khoảng cách hợp lý và sự liên hệ chặt chẽ với các khu hành chính, học tập và ký túc xá, phục vụ nhu cầu nghiên cứu và học tập cho cán bộ giáo viên và sinh viên nhà trường.

b. Khu học tập, nghiên cứu: Nằm phía Nam khu hành chính, cạnh trục đường chính (từ cổng chính vào):

-Xây mới 02 khối Nhà học lý thuyết (số 2.a và 2.b) cao 7 tầng; nhà giảng đường 150 chỗ (số 2.d) cao 4 tầng; nhà giảng đường 200 chỗ (số 2.c) cao 2 tầng và Nhà thực hành thí nghiệm (số 2.e) cao 3 tầng; các công trình được bố trí theo hướng Bắc Nam, nằm song song với đường trục chính (từ cổng chính vào) tạo sự thoáng mát cho các phòng học.

-Khu hành chính và khu học tập, nghiên cứu được liên kết với nhau bằng nhà cầu, tạo thành bộ mặt chính của Trường, tiêu biểu là các khối nhà 8 tầng và 7 tầng, khối 2 tầng được phát triển chạy dài như một bệ đỡ, các khối cao thấp này tạo một mặt đứng ấn tượng và sinh động.

-Phía Nam khu học tập, nghiên cứu, tiếp giáp với đường vành đai quy hoạch: là khu đất dự trữ phát triển, trước mắt bố trí vườn hoa cây xanh, tạo không gian sinh thái.

c. Khu ký túc xá: Nằm tiếp giáp Khu hành chính về phía Tây và mặt đường (Cách mạng Tháng tám) quy hoạch mới: Gồm những nhà cao tầng xây mới xen lẫn nhà thấp tầng giữ lại cải tạo, các công trình được quy hoạch tạo nên không gian công cộng như sân đường, vườn hoa... tương đối khép kín, phục vụ cho các hoạt động độc lập của học sinh sinh viên.

-Xây dựng mới 5 dãy nhà ký túc xá (số 3.a, 3.b, 3.c, 3.d, 3.e) 8 tầng, cải tạo 02 nhà ký túc xá cũ (số 3.h và 3.i); nhà tập võ, tập bắn (số 3.j) cải tạo thành nhà câu lạc bộ sinh viên (sinh hoạt chung); nhà ký túc xá cũ (số 3.g) được cải tạo thành công vụ (tập thể giáo viên); nhà ăn và căng tin cũ (số 3.k) cải tạo và mở rộng thành nhà y tế và mở cổng phụ số 1 (phía đường Cách mạng Tháng tám quy hoạch mới).

-Nằm cạnh khu ký túc xá xây mới là khu đất dự trữ phát triển, trước mắt bố trí vườn hoa cây xanh, tạo không gian sinh thái.

d. Khu dịch vụ: Nằm xen giữa hai khu ký túc xá và khu giáo dục thể chất, tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt; Cải tạo nhà đa năng cũ, kết hợp xây mới thành nhà ăn kết hợp căng tin (số 4.a).

e. Khu giáo dục thể chất: Nằm ở phía Tây Nam khu đất, cách ly với các khu chức năng bằng không gian và cây xanh, tạo sự thoải mái trong hoạt động giáo dục thể chất, mang lại hiệu quả sử dụng công trình; xây dựng Nhà luyện tập thi đấu (số 5.a), bể bơi ngoài trời và công trình phụ trợ (số 5.e) và các sân bóng đá, bóng rổ...

g. Khu thực nghiệm, xưởng thực hành: Nằm ở góc phía Tây Nam khu đất; xây mới khu nhà lưới thực nghiệm lâm sinh - 3 nhà (số 6.a), xưởng thực hành - 2 nhà (số 6.b), nhà điều hành sản xuất (số 6.c) và mở cổng phụ số 2 để tổ chức lối đi riêng.

10-4. Các giải pháp tổ chức hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

a. San nền (Bản vẽ QH 12 – QH 13): San nền cục bộ cho khu vực xây dựng công trình phù hợp với cao độ tim đường (các tuyến đường hiện có và xây dựng mới), đảm bảo sự tiêu thoát nhanh, không bị ngập lụt trong quá trình sử dụng, hướng thoát nước về các trục đường, hệ thống thoát nước đặt dọc theo các hệ thống đường giao thông.

b. Thoát nước mưa: (Bản vẽ QH-15): Thoát nước tự chảy (TCXD 51-1984 và Quy chuẩn XDVN), dựa theo quy hoạch san nền, dọc theo các tuyến giao thông, bố trí hệ thống cống tròn BTCT ly tâm $\Phi 400 - \Phi 500$ tự chảy không áp, các hố ga thu nước và thoát ra hệ thống thoát nước chung của Thị trấn.

c. Hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường (Bản vẽ QH-16): Hệ thống này

được thiết kế riêng biệt (TCXD 51-1984 và Quy chuẩn XDVN);

-Nước thải sinh hoạt từ các hạng mục công trình được thu gom, xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải, hệ thống này sử dụng ống cống BTCT ly tâm $\Phi 300 - \Phi 400$ đặt dọc trên vỉa hè các trục đường và thoát ra hệ thống thoát nước chung của Thị trấn.

-Nước thải thí nghiệm từ nhà thí nghiệm thực hành: Công tác thí nghiệm chủ yếu là phục vụ các bộ môn cơ bản, cơ sở mang tính chất giảng dạy và học tập, lượng nước thải ra không đáng kể, nên vẫn có thể thoát vào hệ thống thoát nước thải chung của Trường.

-Vệ sinh môi trường: Rác thải được thu gom, phân loại hàng ngày trước khi đưa ra địa điểm thu gom rác của Thị trấn; tại các điểm công công (như vườn cây xanh, sân, tuyến đường...) đặt các thùng rác nhỏ có nắp đậy.

d. Hệ thống cấp nước (Bản vẽ QH-14): Lưu lượng tiêu thụ $416\text{m}^3/\text{ngđ}$; trước mắt, nguồn cấp nước được lấy từ trạm cấp nước của trường (giếng khoan), trong tương lai sẽ lấy từ mạng cấp nước chung của Thị trấn đảm bảo cho các hoạt động của Trường như: Sinh hoạt, nghiên cứu thí nghiệm, phòng chống chữa cháy và tưới cây...; mạng lưới cấp nước sử dụng hỗn hợp: mạng vòng và mạng nhánh; sử dụng hệ thống đường ống gang dẻo và ống thép tráng kẽm chôn ngầm dưới đất.

e. Hệ thống giao thông: (Bản vẽ QH-11). Trên cơ sở tận dụng các tuyến đường hiện có, cải tạo và xây dựng mới hệ thống giao thông bảo đảm hoạt động làm việc, giảng dạy, nghiên cứu và học tập của giáo viên viên và sinh viên trong Trường, tạo sự kết nối tốt giữa các khu chức năng. Mặt đường có chiều rộng từ 3,5m đến 9m kết hợp vỉa hè và cây xanh tạo cảnh quan môi trường. Mặt đường bằng bê tông nhựa hoặc bê tông xi măng.

g. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng (Bản vẽ QH-17):

-Nguồn cung cấp điện: Tại thời điểm quy hoạch, dùng nguồn điện từ đường dây 110KV cấp điện cho trạm biến áp hiện có (nằm tại phía Bắc khu đất); công suất tiêu thụ tính theo quy mô quy hoạch đến năm 2020 là 5480 học sinh, sinh viên: 1.835KVA; xây mới trạm biến áp công suất 2.000KVA (gồm 02 máy 1.000KVA, trạm biến áp công suất 1.000KVA-110KV/0,4KV) cấp điện cho sinh hoạt, công nghiệp và chiếu sáng ngoài nhà.

-Lưới điện trong khu vực sử dụng loại cáp lõi đồng cách điện XPPE/PVC, đi ngầm trong đất; từ trạm biến áp, các tủ phân phối hạ thế theo các lộ dọc lập tới các tủ điện tổng của từng khu và các hạng mục công trình.

-Chiếu sáng công cộng sử dụng loại cáp lõi đồng cách điện XPPE/PVC, đi ngầm trong đất, cột đèn dùng loại mạ kẽm nhúng nóng, bóng đèn cao áp Matcop; tại rải phân cách và vườn hoa, bố trí các cột đèn cầu tạo cảnh quan chung.

10-5. Phân đợt xây dựng:

-Giai đoạn 1: Đầu tư xây dựng mới các công trình: Nhà thư viện thông tin, 01 nhà học lý thuyết, nhà thực hành thí nghiệm, 02 nhà ở học sinh, một số danh mục thiết bị cần thiết phục vụ học tập - nghiên cứu - giảng dạy và một số hạng mục công trình phụ trợ.

-Các giai đoạn tiếp theo: Cải tạo và xây dựng mới các hạng mục công trình còn lại.

10-6. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

-Quyết định này là căn cứ để Trường Đại học Lâm nghiệp lập Dự án đầu tư xây dựng theo các giai đoạn cho phù hợp với sự phát triển của Trường;

-Thực hiện đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng được duyệt tại Quyết định này và các quyết định có liên quan khác.

-Nội dung được duyệt tại các Khoản 6 và 10 của Điều 1 là các chỉ tiêu chủ yếu để thực hiện và quản lý quy hoạch, có thể được điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch chi tiết

tại Thị trấn Trảng Bom.

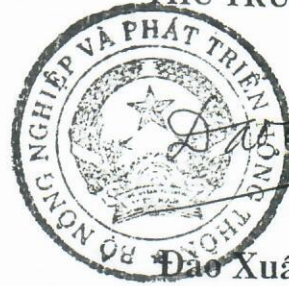
-Phối hợp với các ngành chức năng liên quan tại địa phương hoàn tất thủ tục giao quyền sử dụng đất theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan chức năng thuộc Bộ, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ KH và ĐT; Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN (TƯ, ĐP);
- UBND tỉnh Đồng Nai, huyện Trảng Bom;
- Các Vụ: TCCB, KH, KHCN&MT, TC;
- Trường đại học lâm nghiệp;
- Lưu: VT, XD.

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đào Xuân Học

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực... 1140 Quyển số... 01

Ngày: 24 - 02 - 2011

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN XUÂN MẠI
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thành Viên

Số: **1353** /QĐ-BNN-XDHà Nội, ngày **20** tháng **5** năm **2010****QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình**

Dự án: Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015
Địa điểm: Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 và số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-BNN-XD ngày 13/7/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Quy hoạch mặt bằng tổng thể Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2009 - 2020;

Căn cứ các Quyết định số 1237/QĐ-BNN-KH ngày 30/5/2008 và số 3056/QĐ-BNN-KH ngày 27/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Đề cương, dự toán chi phí chuẩn bị thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2010-2014;

Xét Tờ trình số ngày 90/TTr-ĐHLN-XD ngày 12/4/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp xin phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2010-2014 (tại Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai), văn bản số 1620/SXD-QLCLCT ngày 19/11/2009 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án trên và các hồ sơ liên quan;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình (tại Báo cáo thẩm định số 543 /XD-TĐ ngày 07 / 5 / 2010), Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tổ chức cán bộ, Tài chính, Khoa học, công nghệ và môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2010-2014 với những nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên Dự án:** Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015
- 2. Chủ đầu tư:** Hiệu trưởng Trường Đại học lâm nghiệp.
- 3. Đơn vị tư vấn lập dự án:**
 - Công ty tư vấn Đại học xây dựng – Trường Đại học xây dựng.
 - Chủ nhiệm lập dự án: KTS Phạm Hùng Cường

4. Địa điểm: Trong khuôn viên Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp - Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

5. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

6. Mục tiêu đầu tư: Từng bước nâng cao và hoàn thiện cơ sở vật chất nhằm tăng cường năng lực và quy mô đào tạo cho Trường Đại học Lâm nghiệp tại cơ sở 2, góp phần hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể của Chiến lược phát triển Trường, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

7. Nội dung đầu tư:

7-1. Xây dựng:

7-1-1. Nhà thư viện, thông tin:

- Kiến trúc: Công trình có phong cách kiến trúc hiện đại, các mảng khối rõ ràng, phù hợp với tính chất của thư viện, được bố trí hướng về phía trục đường chính của trường, giải pháp hợp khối có sân trong và liên kết bằng hành lang cầu; giao thông theo phương ngang và phương đứng bằng hành giữa, cầu thang bộ và thang máy; thang bộ sảnh chính phục vụ người đọc, thang nhân viên bố trí phía sau gồm 01 thang bộ và 01 thang máy tải sách (trọng lượng 650kg); các phòng, cầu thang và khu vệ sinh được thiết kế thông thoáng, tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên; mặt đứng công trình (cả 3 hướng) được thiết kế phù hợp với cảnh quan thiên nhiên.

- Các thông số: Nhà 03 tầng, diện tích sàn 4.332,5m²; công trình cấp III, chiều cao tầng: tầng 1 và 2: 4,2m; tầng 3: mái dốc, tầng cao từ 3,6m đến 6,4m; cao độ đỉnh mái 18m; hệ thống lưới cột chính 8,4m và 10,2m.

- Kết cấu: Móng sâu, ép cọc BTCT (tiết diện 25x25cm²) mác 300, dự kiến chiều dài cọc 25m, ép thử nghiệm 03 cọc (tại 03 vị trí); đài cọc và giằng móng BTCT mác 250; kết cấu chịu lực khung BTCT mác 250 (gồm cột, dầm, sàn, sàn mái, vách cứng cầu thang...), thép nhóm AI, AII và AIII hoặc tương đương; các loại cấu kiện khác (lanh tô, ô văng...) dùng BTCT mác 200; tường cổ móng và bao che xây gạch đặc mác 75, vữa xi măng 50#.

- Mái: Bê tông cốt thép có vật liệu chống thấm, phần mái cong ốp gạch gốm màu xanh sáng; nền, sàn lát gạch ceramic 400x400; tường, trần trát vữa XM, bả ma tít và sơn vôi (cả trong và ngoài nhà); hệ thống cửa: Cửa đi và cửa sổ các loại dùng cửa gỗ kính (cửa và khuôn cửa gỗ nhóm 3), nhôm kính sơn tĩnh điện kết hợp cửa sắt, cửa cuốn, cửa có hoa sắt bảo vệ.

- Cầu thang bộ: Bậc xây gạch vữa XM mác 50 và lát đá granit tự nhiên, lan can cầu thang: Tay vịn gỗ, hoa sắt.

- Khu vệ sinh: Sàn lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men kính cao 2,2m; lắp đặt các thiết bị vệ sinh liên doanh do Việt Nam sản xuất.

-Hệ thống cấp thoát nước:

+ Nguồn cấp: Từ bể nước trên mái (V=6m³).

+ Hình thức cấp: Tự chảy từ nguồn cấp đến nơi tiêu thụ, dùng ống nhựa hàn nhiệt các loại PP-R các loại đi ngầm trong tường, hộp kỹ thuật và dưới đất.

+Cấp nước cứu hoả dùng ống TTK Φ50.

+Thoát nước dùng ống nhựa PVC các loại và các thiết bị, phụ kiện khác kèm theo; thoát nước sinh hoạt (lavabo và rửa sàn) được xả thẳng vào hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà; thoát nước bẩn (xí, tiểu) được dẫn vào bể phốt ngoài nhà rồi xả vào hệ thống thoát nước chung.

+ Nước mưa thu theo ống đứng PVC Φ110 thoát vào hệ thống rãnh bê tông có nắp đậy và đổ vào hệ thống thoát chung của khu vực.

- Hệ thống cấp điện và chống sét:
 - + Nguồn cấp điện: Nguồn điện 3 pha đi ngầm dưới đất được lấy từ nguồn điện của khu vực thông qua Trạm biến áp tới tủ điện tổng đặt tại tầng 1 của công trình.
 - + Mạng điện trong công trình: Dây điện dùng loại lõi đồng vỏ bọc PVC các loại trong ống bảo hộ đi ngầm trong tường, trần và lắp đặt các thiết bị điện, hệ thống chống sét cho công trình.
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động 08 kênh; tại mỗi tầng bố trí hộp cứu hoả (mạng cấp nước cứu hoả), bảng tiêu lệnh và các bình bọt chữa cháy.
- Hệ thống điện nhẹ gồm: Hệ thống điện thoại, hệ thống mạng máy tính Internet.
- Hệ thống chống mối cho công trình: Sử dụng phương pháp hoá học và xây dựng hàng rào chống mối trong và ngoài công trình.

7-1-2. Nhà học lý thuyết (01 nhà):

- Kiến trúc: Công trình có phong cách kiến trúc phù hợp với kiến trúc trường học, các mảng khối rõ ràng, công trình đặt theo hướng Bắc Nam, đảm bảo thông gió và lấy sáng theo đúng quy định; giao thông theo phương ngang và phương đứng bằng hành bên, cầu thang bộ và thang máy; khối thang chính gồm 01 thang bộ và 02 thang máy (trọng lượng 900kg), khối thang phụ gồm 01 thang bộ đặt cuối hành lang có nhiệm vụ thoát người phòng hoả; các phân vị mặt đứng được tổ hợp theo phương ngang với các dải lan can, điểm nhấn phương đứng bằng khối thang và sảnh chính.

- Các thông số: Nhà 07 tầng, diện tích sàn $3.939m^2$; công trình cấp III, chiều cao tầng: 3,9m; hệ thống lưới cột chính 3,9m và 7,2m.

- Kết cấu: Móng sâu, ép cọc BTCT (tiết diện $25 \times 25cm^2$) mác 300, dư kiến chiều dài cọc 25m, ép thử nghiệm 03 cọc (tại 03 vị trí); đài cọc và giằng móng BTCT mác 250; kết cấu chịu lực khung BTCT mác 250 (gồm cột, dầm, sàn, sàn mái, vách cứng cầu thang...), thép nhóm AI, AII và AIII hoặc tương đương; các loại cấu kiện khác (lanh tô, ô văng...) dùng BTCT mác 200; tường cổ móng và bao che xây gạch đặc mác 75, vữa xi măng 50#.

- Mái: Bê tông cốt thép có vật liệu chống thấm, lợp tôn liên doanh chống nóng, xà gỗ thép, xây thu hồi; nền, sàn lát gạch ceramic 400×400 ; tường, trần trát vữa XM, bả ma tít và sơn vôi (cả trong và ngoài nhà); hệ thống cửa: Cửa đi và cửa sổ các loại dùng cửa gỗ kính (cửa và khuôn cửa gỗ nhóm 3), nhôm kính sơn tĩnh điện, cửa có hoa sắt bảo vệ; hành lang ngoài ốp gạch thẻ cao 1,2m; mặt ngoài nhà ốp gạch trần trang trí.

- Cầu thang bộ: Bậc xây gạch vữa XM mác 50 và lát đá granit tự nhiên, lan can cầu thang: Tay vịn gỗ, hoa sắt.

- Khu vệ sinh: Sàn lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men kính cao 2,2m; lắp đặt các thiết bị vệ sinh liên doanh do Việt Nam sản xuất.

- Hệ thống cấp thoát nước:

+ Nguồn cấp: Từ bể chứa nước ngầm tại công trình ($V=55m^3$) được bơm lên bể nước trên mái ($2V=10m^3$); hệ thống cấp nước sinh hoạt và cứu hoả được thiết kế độc lập.

+ Hình thức cấp: Tự chảy từ nguồn cấp đến nơi tiêu thụ, dùng ống nhựa hàn nhiệt các loại PP-R các loại đi ngầm trong tường, hộp kỹ thuật và dưới đất.

+ Cấp nước cứu hoả dùng ống TTK $\Phi 50$.

+ Thoát nước dùng ống nhựa PVC các loại và các thiết bị, phụ kiện khác kèm theo; thoát nước sinh hoạt (lavabo và rửa sàn) được xả thẳng vào hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà; thoát nước bẩn (xí, tiểu) được dẫn vào bể phốt ngoài nhà rồi xả vào hệ thống thoát nước chung.

+ Nước mưa thu theo ống đứng PVC $\Phi 110$ thoát vào hệ thống rãnh bê tông có nắp đậy và đổ vào hệ thống thoát chung của khu vực.

- Hệ thống cấp điện và chống sét:
 - + Nguồn cấp điện: Nguồn điện 3 pha đi ngầm dưới đất được lấy từ nguồn điện của khu vực thông qua Trạm biến áp tới tủ điện tổng đặt tại tầng 1 của công trình.
 - + Mạng điện trong công trình: Dây điện dùng loại lõi đồng vỏ bọc PVC các loại trong ống bảo hộ đi ngầm trong tường, trần và lắp đặt các thiết bị điện, hệ thống chống sét cho công trình; lắp đặt máy phát điện dự phòng công suất 15KVA – 380/220V – 3P/50Hz đặt tại phòng kỹ thuật máy phát tầng áp mái.
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Sử dụng hệ thống thang thoát hiểm (02 thang bộ) khi có sự cố; tại mỗi tầng bố trí hộp cứu hoả (mạng cấp nước cứu hoả), bảng tiêu lệnh và các bình bọt chữa cháy.
- Hệ thống điện nhẹ gồm: Hệ thống điện thoại, hệ thống mạng máy tính Internet.
- Hệ thống chống mối cho công trình: Sử dụng phương pháp hoá học và xây dựng hàng rào chống mối trong và ngoài công trình.

7-1-3. Nhà thực hành thí nghiệm:

- Kiến trúc: Công trình có phong cách kiến trúc hiện đại, các mảng khối rõ ràng, phù hợp với tính chất của xưởng thực hành; mặt chính công trình theo hướng Bắc Nam (chéch Tây Bắc), sảnh chính hướng về phía trục đường chính của trường; giao thông theo phương ngang và phương đứng bằng hành bên kết hợp hành lang giữa, cầu thang bộ và thang máy (để vận chuyển thiết bị, trọng lượng 1.200kg); các phòng, cầu thang và khu vệ sinh được thiết kế thông thoáng, tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên; mặt đứng công trình được thiết kế các thanh bê tông trang trí để chắn nắng và mang hình dáng đặc trưng công trình.
- Các thông số: Nhà 03 tầng, diện tích sàn 2.108m²; công trình cấp III, chiều cao tầng 4,2m; hệ thống lưới cột chính 4,5m, 6,9 và 7,8m.
- Kết cấu: Móng sâu, ép cọc BTCT (tiết diện 25x25cm²) mác 300, dư kiến chiều dài cọc 25m, ép thử nghiệm 03 cọc (tại 03 vị trí); đài cọc và giằng móng BTCT mác 250; kết cấu chịu lực khung BTCT mác 250 (gồm cột, dầm, sàn, sàn mái, vách cứng cầu thang...), thép nhóm AI, AII và AIII hoặc tương đương; các loại cấu kiện khác (lanh tô, ô văng...) dùng BTCT mác 200; tường cổ móng và bao che xây gạch đặc mác 75, vữa xi măng 50#.
- Mái: Bê tông cốt thép có vật liệu chống thấm và mái dốc lợp tôn liên doanh, xà gồ thép, xây thu hồi; nền, sàn lát gạch ceramic 400x400; tường, trần trát vữa XM, bả ma tít và sơn vôi (cả trong và ngoài nhà); hệ thống cửa: Cửa đi và cửa sổ các loại dùng cửa gỗ kính (cửa và khuôn cửa gỗ nhóm 3), nhôm kính sơn tĩnh điện kết hợp cửa sắt, cửa cuốn, cửa có hoa sắt bảo vệ.
- Cầu thang bộ: Bậc xây gạch vữa XM mác 50 và lát đá granit tự nhiên, lan can cầu thang: Tay vịn gỗ, hoa sắt.
- Khu vệ sinh: Sàn lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men kính cao 2,2m; lắp đặt các thiết bị vệ sinh liên doanh do Việt Nam sản xuất.
- Hệ thống cấp thoát nước:
 - + Nguồn cấp: Từ bể nước trên mái (V=6m³).
 - + Hình thức cấp: Tự chảy từ nguồn cấp đến nơi tiêu thụ, dùng ống nhựa hàn nhiệt các loại PP-R các loại đi ngầm trong tường, hộp kỹ thuật và dưới đất.
 - + Thoát nước dùng ống nhựa PVC các loại và các thiết bị, phụ kiện khác kèm theo; thoát nước sinh hoạt (lavabo và rửa sàn) được xả thẳng vào hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà; thoát nước bẩn (xí, tiểu) được dẫn vào bể phốt ngoài nhà rồi xả vào hệ thống thoát nước chung.
 - + Nước mưa thu theo ống đứng PVC Φ110 thoát vào hệ thống rãnh bê tông có nắp đậy và đổ vào hệ thống thoát chung của khu vực.

- Hệ thống cấp điện và chống sét:
 - + Nguồn cấp điện: Nguồn điện 3 pha đi ngầm dưới đất được lấy từ nguồn điện của khu vực thông qua Trạm biến áp tới tủ điện tổng đặt tại tầng 1 của công trình.
 - + Mạng điện trong công trình: Dây điện dùng loại lõi đồng vỏ bọc PVC các loại trong ống bảo hộ đi ngầm trong tường, trần và lắp đặt các thiết bị điện, hệ thống chống sét cho công trình.
- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: tại mỗi tầng bố trí bảng tiêu lệnh và các bình bọt chữa cháy; cấp nước cứu hoả tại các họng nước cứu hoả đặt trên trục đường dẫn vào công trình (thực hiện ở giai đoạn sau).
- Hệ thống điện nhẹ gồm: Hệ thống điện thoại, hệ thống mạng máy tính Internet.
- Hệ thống chống mối cho công trình: Sử dụng phương pháp hoá học và xây dựng hàng rào chống mối trong và ngoài công trình.

7-1-4. Nhà ở học sinh (02 nhà): Nội dung cho 01 nhà như sau:

- Kiến trúc: Công trình có phong cách kiến trúc hiện đại, phù hợp với kiến trúc nhà ở sinh viên, các mảng khối rõ ràng, công trình đặt theo hướng Bắc Nam, có hướng nắng và gió tốt, đảm bảo môi trường vi khí hậu cho các phòng ở; giao thông theo phương ngang và phương đứng bằng hành bên, cầu thang bộ và thang máy; khối thang chính gồm 01 thang bộ và 02 thang máy (trọng lượng 900kg), khối thang phụ gồm 01 thang bộ đặt cuối hành lang có nhiệm vụ thoát người phòng hoả; sử dụng các mảng lan can tạo phân vị ngang, có tạo dáng lan can mang hình ảnh trường, điểm nhấn phương đứng bằng khối thang và sảnh chính.
- Các thông số: Nhà 08 tầng, diện tích sàn 4.716,6m²; công trình cấp III, chiều cao tầng 1: 3,6m; từ tầng 2 đến tầng 8 cao: 3,6m; hệ thống lưới cột chính 3,9m và 6,68m.
- Kết cấu: Móng sâu, ép cọc BTCT (tiết diện 25x25cm²) mác 300, dự kiến chiều dài cọc 25m, ép thử nghiệm 03 cọc (tại 03 vị trí); đài cọc và giằng móng BTCT mác 250; kết cấu chịu lực khung BTCT mác 250 (gồm cột, dầm, sàn, sàn mái, vách cứng cầu thang...), thép nhóm AI, AII và AIII hoặc tương đương; các loại cấu kiện khác (lanh tô, ô văng...) dùng BTCT mác 200; tường cổ móng và bao che xây gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50.
- Mái: Bê tông cốt thép có vật liệu chống thấm, lợp tôn liên doanh chống nóng, xà gồ thép, xây thu hồi; nền, sàn lát gạch ceramic 400x400; tường, trần trát vữa XM, bả ma tít và sơn vôi (cả trong và ngoài nhà); hệ thống cửa: Cửa đi và cửa sổ các loại dùng cửa gỗ kính (cửa và khuôn cửa gỗ nhóm 3), nhôm kính sơn tĩnh điện, cửa có hoa sắt bảo vệ.
- Cầu thang bộ: Bậc xây gạch vữa XM mác 50 và lát đá granit tự nhiên, lan can cầu thang: Tay vịn gỗ, hoa sắt.
- Khu vệ sinh: Sàn lát gạch chống trơn, tường ốp gạch men kính cao 2,2m; lắp đặt trần thạch cao chịu nước, các thiết bị vệ sinh liên doanh do Việt Nam sản xuất.
- Hệ thống cấp thoát nước:
 - + Nguồn cấp: Từ bể chứa nước ngầm tại công trình (V=70m³) được bơm lên bể nước trên mái (3V=15m³); hệ thống cấp nước sinh hoạt và cứu hoả được thiết kế độc lập.
 - + Hình thức cấp: Tự chảy từ nguồn cấp đến nơi tiêu thụ, dùng ống nhựa hàn nhiệt các loại PP-R các loại đi ngầm trong tường, hộp kỹ thuật và dưới đất.
 - + Cấp nước cứu hoả dùng ống TTK Φ50.
 - + Thoát nước dùng ống nhựa PVC các loại và các thiết bị, phụ kiện khác kèm theo; thoát nước sinh hoạt (lavabo và rửa sàn) được xả thẳng vào hệ thống rãnh thoát nước ngoài nhà; thoát nước bẩn (xí, tiểu) được dẫn vào bể phốt ngoài nhà rồi xả vào hệ thống thoát nước chung.

+ Nước mưa thu theo ống đứng PVC Φ110 thoát vào hệ thống rãnh bê tông có nắp đậy và đổ vào hệ thống thoát chung của khu vực.

- Hệ thống cấp điện và chống sét:

+ Nguồn cấp điện: Nguồn điện 3 pha đi ngầm dưới đất được lấy từ nguồn điện của khu vực thông qua Trạm biến áp tới tủ điện tổng đặt tại tầng 1 của công trình.

+ Mạng điện trong công trình: Dây điện dùng loại lõi đồng vỏ bọc PVC các loại trong ống bảo hộ đi ngầm trong tường, trần và lắp đặt các thiết bị điện, hệ thống chống sét cho công trình; lắp đặt máy phát điện dự phòng công suất 35KVA – 380/220V – 3P/50Hz đặt tại phòng kỹ thuật máy phát tầng 1.

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy: Sử dụng hệ thống thang thoát hiểm (02 thang bộ) khi có sự cố; tại mỗi tầng bố trí hộp cứu hoả (mạng cấp nước cứu hoả), bảng tiêu lệnh và các bình bọt chữa cháy.

- Hệ thống điện nhẹ gồm: Hệ thống điện thoại, hệ thống mạng máy tính Internet.

- Hệ thống chống mối cho công trình: Sử dụng phương pháp hoá học và xây dựng hàng rào chống mối trong và ngoài công trình.

7-1-5. Hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền: Tại các khu đất trước các công trình xây dựng và các tuyến đường nội bộ phục vụ giao thông đi lại; độ dốc san nền 0,4%; cao độ san nền theo các tuyến đường thiết kế và phù hợp với hệ thống thoát nước.

b. Hệ thống sân đường, giao thông nội bộ:

-Tuyến đường trục chính từ cổng trường (đường Trần Phú) nối với đường hiện hữu có mặt cắt ngang 2x5,5m; tuyến đường nhánh có mặt cắt ngang rộng 7,5m dẫn vào khu Nhà học lý thuyết và Nhà học thực hành thí nghiệm; tổng chiều dài 258m, mặt đường rải bê tông nhựa.

-Bó vỉa hè đường bằng viên bê tông đúc sẵn.

-Sân, vỉa hè lát gạch xi măng tự chèn

7-2. Thiết bị: Đầu tư trang thiết bị các loại: Thiết bị công trình (thiết bị kèm xây lắp) như: Thang máy, hệ thống báo cháy, máy bơm..., thiết bị văn phòng và thiết bị bổ sung cho các phòng thí nghiệm thực hành...(xem chi tiết phụ lục số 02 kèm theo).

8. Tổng mức đầu tư và nguồn vốn: Duyệt theo đơn giá xây dựng công trình ban hành theo quyết định số 8777/QĐ-UBND và số 8778/QĐ-UBND ngày 21/6/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai, mặt bằng giá quý 3/2009 (số 2134/2009/CBGVL-LS ngày 14/9/2009) của Liên sở Tài chính và Xây dựng tỉnh Đồng Nai, các quy định hiện hành khác có liên quan. - Tổng mức đầu tư được duyệt: 108.529.000.000 đ

(Một trăm linh tám tỷ, năm trăm hai mươi chín triệu đồng)

Trong đó:	+ Chi phí xây dựng:	77.166.000.000 đ
	+ Chi phí thiết bị:	13.801.000.000 đ
	+ Chi phí quản lý dự án:	1.465.000.000 đ
	+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.442.000.000 đ
	+ Chi phí khác:	789.000.000 đ
	+ Chi phí dự phòng:	9.866.000.000 đ

(Chi tiết xem phụ lục số 01 kèm theo)

- Nguồn vốn: +Vốn ngân sách cấp: 64.340.000.000 đ

+Vốn trái phiếu Chính phủ: 35.298.000.000 đ

(dùng để thực hiện phần xây lắp 02 nhà ký túc xá sinh viên)

+Vốn CTMT giáo dục đào tạo hàng năm và nguồn thu hợp pháp khác của Trường dùng cho mua sắm thiết bị (trừ phần thiết bị kèm xây lắp):

8.891.000.000 đ

9. Thời gian thực hiện: Năm 2011-2015.

10. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

- Chủ đầu tư (Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp):

+ Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo đúng nội dung tại Quyết định đầu tư, Quyết định số 1968/QĐ-BNN-XD ngày 13/7/2009 phê duyệt Quy hoạch mặt bằng tổng thể (lưu ý: Để đảm bảo hiệu quả kinh tế, diện tích sàn Nhà học lý thuyết giai đoạn này được thiết kế lớn hơn so với diện tích sàn trong quy hoạch được duyệt, đề nghị, trong giai đoạn sau cần nghiên cứu và có giải pháp thiết kế cho các nhà còn lại để sao cho tổng diện tích sàn Nhà học lý thuyết phù hợp với quy hoạch được duyệt), văn bản số 1620/SXD-QLCLCT ngày 19/11/2009 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở dự án và các quy định hiện hành của Nhà nước về Quản lý dự án và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

+Làm việc với các cơ quan chức năng ở địa phương để được chấp thuận về phương án Phòng cháy chữa cháy, phương án cấp điện và cấp nước của dự án (giai đoạn này, hệ thống cấp điện và cấp nước của dự án chưa được thực hiện), đảm bảo khi đưa công trình vào khai thác sử dụng an toàn và có hiệu quả.

+Lập và trình Bộ phê duyệt kế hoạch đấu thầu tổng thể của toàn dự án.

+Phối hợp với Vụ Khoa học, công nghệ và môi trường thẩm định và trình Bộ phê duyệt tính năng, thông số kỹ thuật thiết bị của dự án.

+Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế BVTC, dự toán, tổng dự toán công trình.

- Vụ Khoa học, công nghệ và môi trường: Chủ trì, phối hợp với Chủ đầu tư thẩm định và trình Bộ phê duyệt tính năng, thông số kỹ thuật thiết bị của dự án.

- Cục Quản lý XDCT: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước, thường xuyên kiểm tra đôn đốc, đảm bảo tiến độ, chất lượng, triển khai thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định hiện hành.

Điều 2. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan chức năng thuộc Bộ, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ KH và ĐT; Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN (TƯ, ĐP);
- Các Vụ: KH, TCCB, TC, KHCN&MT;
- Trường Đại học lâm nghiệp;
- Cơ sở 2 Đại học lâm nghiệp;
- Lưu: VT, XD.



CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực.....4027..... Quyển số...03.....

Diệp Kinh Tân

Ngày: 25 -05- 2010

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN XUÂN MAI



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Thành Viên



PHỤ LỤC SỐ 01
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

BẢN SAO

(Kèm theo Quyết định số 1353 /QĐ-BNN-XD ngày 20 /5/2010)

Đơn vị: Ngàn đồng

TT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thành tiền
I	Xây dựng			77.166.000
1	Nhà học lý thuyết	m ²	3.939	14.865.000
	-Xây dựng			13.088.000
	-Điện, chống sét, nước và phòng chống cháy			1.372.000
	-Hệ thống mạng điện thoại, máy tính, Internet			262.000
	-Chống mối			143.000
2	Nhà thực hành thí nghiệm	m ²	2.108	8.544.000
	-Xây dựng			7.525.000
	-Điện, chống sét, nước.			695.000
	-Hệ thống mạng điện thoại, máy tính, Internet			162.000
	-Chống mối			162.000
3	Nhà thư viện, thông tin	m ²	4.332,5	15.570.000
	-Xây dựng			14.018.000
	-Điện, chống sét, nước và phòng chống cháy.			934.000
	-Hệ thống báo cháy tự động			134.000
	-Hệ thống mạng điện thoại, máy tính, Internet			181.000
	-Chống mối			303.000
4	Nhà ở học sinh (02 nhà 8 tầng - 4.716,6 x 2nhà)	m ²	9.433,2	35.298.000
	-Xây dựng			30.740.000
	-Điện, nước và phòng chống cháy.			3.842.000
	-Chống sét tia (Pulsar)			226.000
	-Hệ thống mạng điện thoại, máy tính, Internet			202.000
	-Chống mối			288.000
5	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật			2.889.000
	-San nền	m ³		1.069.000
	-Hệ thống giao thông nội bộ	HT		1.820.000
II	Thiết bị (xem phụ lục số 02)			13.801.000
1	Thiết bị công trình			4.910.000
2	Thiết bị quản lý, văn phòng			1.710.000
3	Bàn ghế, giường tủ			5.500.000
4	Thiết bị bổ sung cho các phòng thí nghiệm			1.681.000
III	Chi phí quản lý dự án			1.465.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			5.442.000
1	Chi phí khảo sát địa hình			45.000
2	Chi phí lập quy hoạch			330.000
3	Khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế cơ sở)			157.000
4	Chi phí lập dự án đầu tư			309.000
5	Khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTG)			724.000
6	Lập thiết kế BVTG, tổng dự toán, dự toán			1.670.000

7	Thẩm tra Thiết kế BVTC, tổng dự toán, dự toán			181.000
8	Thẩm tra bước thiết kế cơ sở (TT)			17.000
9	Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng			93.000
10	Lựa chọn nhà thầu cung cấp và lắp đặt thiết bị			39.000
11	Giám sát thi công xây dựng			1.301.000
12	Giám sát lắp đặt thiết bị			89.000
13	Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng CT			487.000
V	Chi phí khác			789.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình			231.000
2	Thẩm tra và phê duyệt quyết toán			64.000
3	Chi phí kiểm toán			180.000
4	Lệ phí thẩm định quy hoạch, dự án			16.000
5	Chi phí nén tĩnh cọc			298.000
VI	Dự phòng			9.866.000
	Tổng mức đầu tư			108.529.000

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC THIẾT BỊ

Kèm theo Quyết định số: 1353/QĐ-BNN-XD ngày 20 tháng 5 năm 2010

Đơn vị: ĐVN

TT	Danh mục mua sắm thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	Thiết bị kèm xây lắp				4.909.996.000
1	Thang máy tải sách nhà thư viện (trọng lượng 650kg)	bộ	1	275.000.000	275.000.000
2	Thang máy tải nhà thực hành thí nghiệm (trọng lượng 1200kg)	bộ	1	350.000.000	350.000.000
3	Thang máy nhà ký túc xá (8 điểm dừng, loại 11 người - 900kg)	cái	4	704.000.000	2.816.000.000
4	Thang máy nhà học lý thuyết (7 điểm dừng, loại 11 người - 900kg)	cái	2	616.000.000	1.232.000.000
5	Hệ thống báo cháy tự động nhà thư viện	bộ	1	149.964.000	149.964.000
6	Bơm cấp nước nhà học lý thuyết: H=45m, Q=10m ³ /h, N=10KW - italy	cái	2	21.758.000	43.516.000
7	Bơm cấp nước nhà ở học sinh: H=45m, Q=15m ³ /h, N=12KW - italy	cái	2	21.758.000	43.516.000
B	Thiết bị quản lý				1.710.208.000
1	Máy biến áp 1.000KVA - 110/0,4KV	cái	1	1.017.500.000	1.017.500.000
2	Máy vi tính văn phòng (để bàn)	bộ	25	10.744.800	268.620.000
3	Máy pho to A3 điều khiển LCD	bộ	2	63.179.000	126.358.000
4	Máy in Laser A4	bộ	20	7.812.000	156.240.000
5	Máy chiếu Projector phục vụ hội thảo	bộ	2	70.745.000	141.490.000
C	Bàn ghế, giường tủ				5.500.000.000
1	Giường tầng sinh viên bằng sắt	cái	1.000	2.035.000	2.035.000.000
2	Tủ KTX Sinh viên bằng sắt	cái	250	3.520.000	880.000.000
3	Bàn sử dụng chung trong phòng KTX	cái	250	1.320.000	330.000.000
4	Bàn + ghế phòng học lý thuyết	bộ	500	660.000	330.000.000
5	Bàn, ghế, tủ, giá, quầy... cho Thư viện	bộ	1	1.650.000.000	1.650.000.000
6	Bàn, ghế, tủ, giá... cho PTN Ban Lâm	bộ	1	110000000	110000000
7	Bàn, ghế, tủ, giá... cho PTN Ban Công nghiệp rừng	bộ	1	110000000	110000000
8	Bàn, ghế, tủ, giá... cho PTH Tin học	bộ	1	55.000.000	55.000.000
D	Thiết bị bổ sung cho phòng thí nghiệm thực hành và các Ban chuyên môn				1.681.052.000
I	Phòng thực hành tin học				691.052.000
1.1	Máy chủ (Server) HP ProLiant ML370 G6 (487791-371)	cái	1	80300000	80300000
1.2	Máy chiếu Projector phục vụ học tập (Panasonic PT-LB78EA)	cái	1	23.339.000	23.339.000
1.3	Máy vi tính học viên (HP Pavilion P6217L - E7600)	cái	40	10.450.000	418.000.000

1.4	dc7900 - E7500 (Vista, XPPro) (KP721AV)	cái	1	13700000	13.700.000
1.5	Máy in HP Color LaserJet CP1518Ni Printer A4	cái	1	8.905.000	8.905.000
1.6	Hệ thống điều hòa Funiki 2 cục 1 chiều mặt phẳng SPC18T	cái	6	7.990.000	47.940.000
1.7	Ôn áp Lioa 3phases loại biến thế khô, 60KVA	cái	1	54978000	54.978.000
1.8	Hệ thống âm thanh và cáp dẫn (hệ thống) Sony BDV-E800W	cái	1	24.090.000	24.090.000
1.9	Thiết bị phụ trợ khác (hệ thống)	cái	1	19.800.000	19.800.000
II	Phòng thí nghiệm thực hành ban Lâm sinh				660.000.000
2.1	Tủ sấy mẫu, đảo khí cưỡng bức 40 lít	cái	2	38.500.000	77.000.000
2.2	Lò nung	cái	1	38.500.000	38.500.000
2.3	Bồn điều nhiệt có lắc	cái	1	35.200.000	35.200.000
2.4	Cân phân tích	cái	1	33.000.000	33.000.000
2.5	Cân kỹ thuật	cái	1	16.500.000	16.500.000
2.6	Máy cất nước 1 lần	cái	1	22.000.000	22.000.000
2.7	Tủ hút khí độc	cái	1	38.500.000	38.500.000
2.8	Máy đo cao Vertex III	cái	1	71.500.000	71.500.000
2.9	Đĩa bàn 3 chân	cái	5	5.500.000	27.500.000
2.10	Máy đo tốc độ gió	cái	2	8.250.000	16.500.000
2.11	Nhật quang ký	cái	1	55.000.000	55.000.000
2.12	Máy đo diện tích lá cây	cái	1	82.500.000	82.500.000
2.13	Máy đo cường độ sáng	cái	1	11.000.000	11.000.000
2.14	Thiết bị xác định độ ẩm nhanh của đất	cái	1	16.500.000	16.500.000
2.15	Thiết bị đo nhiệt ẩm môi trường	cái	5	5.500.000	27.500.000
2.16	Thiết bị đo độ ẩm của hạt	cái	1	19.800.000	19.800.000
2.17	Máy đo màu quang phổ	cái	1	11.000.000	11.000.000
2.18	Máy hấp phụ quang phổ	cái	1	60.500.000	60.500.000
III	Phòng thí nghiệm thực hành ban Công nghiệp rừng				330.000.000
3.1	Bàn TT kỹ thuật điện kèm dao động	cái	1	11.000.000	11.000.000
3.2	Bàn thí nghiệm cơ động điện tử	cái	1	16.500.000	16.500.000
3.3	Kính hiển vi	cái	1	115.500.000	115.500.000
3.4	Buồng vi khí hậu	cái	1	165.000.000	165.000.000
3.5	Máy cất nước 1 lần	cái	1	22.000.000	22.000.000
	Tổng cộng				13.801.256.000

BẢN SAO

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2644** /QĐ-BNN-XD

Hà Nội, ngày **29** tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh dự án

Dự án: Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015
Địa điểm: Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ các Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008, Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

Căn cứ các Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1353/QĐ-BNN-XD ngày 20/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt dự án Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015;

Xét Tờ trình số 415/TTr-ĐHLN-XD ngày 15/10/2012 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp xin phê duyệt điều chỉnh dự án: Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015 kèm theo Báo cáo Giám sát đánh giá đầu tư tại Văn bản số 108/BC-ĐHLN-XD ngày 10/10/2012 và các hồ sơ liên quan; Văn bản số 3904/BNN-KH ngày 13/8/2012 của Bộ Nông nghiệp và PTNT cho phép Chủ đầu tư điều chỉnh dự án trên;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Xây dựng công trình (tại Báo cáo thẩm định số 977 / XD-TĐ ngày 22 / 10 / 2012) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung dự án Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 1353/QĐ-BNN-XD ngày 20/5/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT với một số nội dung chính như sau:

1. Điều chỉnh Khoản 1 Điều 1 (Tên dự án):

Dự án: Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp – giai đoạn 1.

2. Điều chỉnh Khoản 7 Điều 1 (Nội dung đầu tư):

a) Xây dựng: Giai đoạn 1

-Không thực hiện đầu tư hạng mục Nhà ở học sinh (02 nhà) và Nhà thực hành thí nghiệm.

-Hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng tuyến đường nhánh đến các hạng mục công trình; mặt đường rộng 7,5m, dài 270m, rải bê tông xi măng.



b) Thiết bị: Chỉ đầu tư một số thiết bị như: Thang máy, máy phát điện, bơm cấp nước và một số trang thiết bị khác kèm theo....

3. Điều chỉnh Khoản 8 Điều 1 (Tổng mức đầu tư và nguồn vốn): Duyệt theo đơn giá xây dựng công trình ban hành theo quyết định số 8778/QĐ-UBND và số 8779/QĐ-UBND ngày 21/9/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai, mặt bằng giá quý II/2012 (số 1854/CBLS ngày 15/6/2012) của Liên sở Tài chính và Xây dựng tỉnh Đồng Nai, các quy định hiện hành khác có liên quan.

	- Tổng mức đầu tư điều chỉnh được duyệt:	66.678.300.000 đ
	(Sáu mươi sáu tỷ, sáu trăm bảy mươi tám triệu, ba trăm ngàn đồng)	
Trong đó:	+ Chi phí xây dựng:	45.393.819.000 đ
	+ Chi phí thiết bị:	1.842.516.000 đ
	+ Chi phí quản lý dự án:	913.000.000 đ
	+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.439.899.000 đ
	+ Chi phí khác:	676.000.000 đ
	+ Chi phí dự phòng:	13.413.066.000 đ
	(Chi tiết xem phụ lục kèm theo)	

- Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước.

4. Điều chỉnh Khoản 9 Điều 1 (Thời gian thực hiện): Năm 2013-2017.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh bổ sung Khoản 7, Khoản 9, thay thế Khoản 1, Khoản 8 Điều 1 tại Quyết định số 1353/QĐ-BNN-XD ngày 20/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan chức năng thuộc Bộ, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH và ĐT; Bộ Tài chính;
- Kho bạc NN (TƯ, ĐP);
- Các Vụ: KH, TCCB, TC, KHCN&MT;
- Trường Đại học lâm nghiệp;
- Cơ sở 2 Đại học lâm nghiệp;
- Lưu: VT, XD.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Hoàng Văn Thắng

Hoàng Văn Thắng

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực...11293.....Quyển số...

Ngày: **22 -11- 2012**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN XUÂN MAI



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Viễn

BẢN SAO**PHỤ LỤC****TỔNG MỤC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH DỰ ÁN**

Dự án Đầu tư xây dựng Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2011-2015

(Kèm theo Quyết định số **2644** /QĐ-BNN-XD ngày **29/10/2012**

của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị: 1.000 đồng

TT	Thành phần công việc	Đơn vị	Khối lượng	Thành tiền
I	Xây dựng			45.393.819
1	Nhà học lý thuyết	m ²	3.939	22.438.087
	-Xây dựng			19.631.056
	-Hệ thống điện, điện thoại và chống sét.			1.819.043
	-Hệ thống cấp thoát nước			618.078
	-Chống mối			69.930
	-Hệ thống phòng cháy chữa cháy			299.980
2	Nhà thư viện, thông tin	m ²	4.332,5	21.789.062
	-Xây dựng			18.236.941
	-Hệ thống điện, điện thoại, máy tính Internet và chống sét.			2.465.369
	-Hệ thống cấp thoát nước			701.749
	-Chống mối			129.790
	-Hệ thống phòng cháy chữa cháy			255.213
3	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật			1.166.670
II	Thiết bị			1.842.516
1	Thang máy tải sách nhà thư viện (650kg)	bộ	01	275.000
2	Thang máy nhà học lý thuyết (7 điểm dừng, 900kg)	bộ	02	1.248.000
3	Bơm cấp nước nhà học lý thuyết: H=45m, Q=10m ³ /h, N=10KW.	cái	02	43.516
4	Máy phát điện nhà học lý thuyết 3P - 4W - 400V - 50HZ - 40KVA (PRIME)	cái	01	135.000
5	Bộ chuyển nguồn tự động nhà học lý thuyết ATS 4P-80A-400V	cái	01	15.500
6	Máy phát điện nhà thư viện, thông tin 3P - 4W - 400V - 50HZ - 20KVA (PRIME)	cái	01	110.000
7	Bộ chuyển nguồn tự động nhà thư viện, thông tin ATS 4P-80A-400V	cái	01	15.500
III	Chi phí quản lý dự án			913.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			4.439.899
1	Chi phí khảo sát địa hình			45.000
2	Chi phí lập quy hoạch			330.000
3	Khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế cơ sở)			157.000
4	Chi phí lập dự án đầu tư			309.000
5	Khảo sát địa chất (giai đoạn thiết kế BVTC)			750.816
6	Lập thiết kế BVTC, tổng dự toán, dự toán			1.419.083
7	Thẩm tra Thiết kế BVTC, tổng dự toán, dự toán			172.000
8	Thẩm tra bước thiết kế cơ sở (TT)			17.000
9	Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng			66.000
10	Lựa chọn nhà thầu cung cấp và lắp đặt thiết bị			5.000

122

11	Giám sát thi công xây dựng			857.000
12	Giám sát lắp đặt thiết bị			12.000
13	Chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình			300.000
V	Chi phí khác			676.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình			88.000
2	Thẩm tra và phê duyệt quyết toán			61.000
3	Chi phí kiểm toán			168.000
4	Lệ phí thẩm định quy hoạch, dự án			16.000
5	Chi phí nén tĩnh cọc			298.000
6	Thẩm định HSMT và kết quả trúng thầu			45.000
VI	Dự phòng			13.413.066
	-Phát sinh khối lượng			4.894.000
	-Trượt giá			8.519.066
	Tổng mức đầu tư			66.678.300

11/11

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Thực hiện Thông báo số 956/TB-UBND ngày 15/11/2018 của UBND huyện, về việc thu hồi đất của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8715/TTr-TNMT ngày 27/8/2019 và Báo cáo số 760/BC-TTĐ, ngày 19/9/2019 của Tổ thẩm định (Phòng Tư pháp),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 17.277,8 m² đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai thuộc một phần thửa đất số 182, tờ bản đồ số 40, BĐDC thị trấn Trảng Bom theo Trích lục và biên vẽ bản đồ địa chính số 7809/TLBV-2018 tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh - CN Trảng Bom thực hiện ngày 08/11/2018, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai kiểm tra nội nghiệp ngày 08/11/2018 (tờ số 01).

Lý do thu hồi đất: để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom.

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Chủ tịch UBND thị trấn Trảng Bom có trách nhiệm giao Quyết định này cho Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai; trường hợp Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tỉnh Đồng Nai không nhận Quyết định này hoặc vắng

Số: 703/QĐ-UBND

Trảng Bom, ngày 26 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng để đầu tư xây dựng dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TRẮNG BOM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các Tổ chức Tín dụng số 32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ, Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai về chủ trương đầu tư dự án Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom; Quyết định số 2922/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom; Biên bản làm việc ngày 11 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Trảng Bom v/v bàn giao mặt bằng dự án đường Lê Hồng Phong;

Căn cứ Quyết định số 3455/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai để thực hiện dự



án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29 tháng 4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (đợt 02);

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế tại Tờ trình số 66/TTr-KT ngày 26 tháng 8 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 184,2m² đất DGD của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, thuộc thửa đất số 182 (một phần thửa đất), tờ bản đồ số 40, tại xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Lý do thu hồi đất: Để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 29/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (nay là xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai).

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Phòng Kinh tế xã Trảng Bom có trách nhiệm giao Quyết định này cho Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai; trường hợp Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom và tại nơi sinh hoạt chung của cộng đồng dân cư nơi có đất thu hồi.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã Trảng Bom.

3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm quản lý quỹ đất đã thu hồi, phối hợp với Phòng Kinh tế thực hiện thủ tục đất đai theo quy định.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 2 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *W*

Nơi nhận: *W*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó CT. UBND xã;
- Chánh, các Phó CVP. HĐND&UBND xã;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh - CN Trảng Bom;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất CN Trảng Bom;
- Phòng Kinh tế;
- Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: VT-KT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



W
Phan Trung Tính

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
BAN QUẢN LÝ ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG THỦY LỢI 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1159/BQL-KHTĐ

Khánh Hòa, ngày 11 tháng 12 năm 2025

V/v báo cáo và xin ý kiến về nội dung
BCĐXCTĐT Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ
sở vật chất các trường miền Nam

Kính gửi: Vụ Kế hoạch – Tài chính

Căn cứ Quyết định số 4135/QĐ-BNNMT ngày 07/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các trường miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 2856/QĐ-BNNMT ngày 25/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành quy chế quản lý dự án đầu tư công của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Thực hiện rà soát nội dung, quy mô đầu tư giai đoạn 2026-2030, Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7 (Ban 7) xin báo cáo một số nội dung về hiện trạng cơ sở vật chất, quy mô tuyển sinh hiện nay, dự kiến trong thời gian tới, quy mô đầu tư Dự án Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất các trường miền Nam thuộc dự án như sau:

- Đối với các trường sáp nhập theo Quyết định số 1811/QĐ-TTg ngày 23/8/2025 và định hướng tiếp tục sắp xếp trong thời gian tới bao gồm Trường Cao đẳng Cơ giới và Thủy lợi sáp nhập với Trường Cao đẳng Công nghệ và Nông lâm Nam bộ; Trường Cao đẳng nông nghiệp Nam bộ với Trường Cao đẳng cơ điện và nông nghiệp Nam bộ: Chi tiết tại Văn bản số 59/2025/ACI ngày 11/12/2025 và Văn bản số 109/CV-ACIC ngày 11/12/2025 Liên danh Công ty cổ phần Kỹ thuật xây dựng ACI E&C và Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư Xây dựng Đô thị và Dự thảo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư kèm theo;

- Đối với các trường còn lại thuộc dự án: Chi tiết trong Dự thảo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư kèm theo.

Ban 7 kính báo cáo và kính đề nghị Quý Vụ cho ý kiến để thực hiện các bước tiếp theo.

(Tài liệu kèm theo:

- Văn bản số 59/2025/ACI ngày 11/12/2025 và Văn bản số 109/CV-ACIC ngày 11/12/2025 Liên danh Công ty cổ phần Kỹ thuật xây dựng ACI E&C và Công ty Cổ phần Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư Xây dựng Đô thị;

- Tập hồ sơ Dự thảo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư do Tư vấn lập)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Tổ chức (b/c và xin ý kiến)
- Vụ Khoa học và Công nghệ (b/c và xin ý kiến);
- Các trường thuộc DA (p/h);
- Giám đốc (b/c);
- Phòng KH-TĐ;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Khắc Tuyền

Số: 1870/QĐ-ĐHLN-QLĐT

Hà Nội, ngày 17 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP

Căn cứ Quyết định số 2699/QĐ-BNN-TCCB ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lâm nghiệp;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017, được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024, được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019 ;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch, được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023, Nghị định số 22/2025/NĐ-CP ngày 11/02/2025;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng về quy định chi tiết một số Điều của Luật quy hoạch đô thị và nông thôn, được sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng về quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn. Hướng dẫn xác định chi phí lập quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 2268/NQ-HĐT ngày 27/12/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Lâm nghiệp về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Lâm nghiệp, được sửa đổi bổ sung một số Điều tại Nghị quyết số 1341/NQ-ĐHLN-HĐT ngày 29/9/2025;



Căn cứ Quyết định 990/QĐ-BNNMT ngày 21/4/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành quy chế quản lý tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-ĐHLN-TCKT ngày 22/11/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về quy định phân cấp thẩm quyền bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công, mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị dự toán trực thuộc Trường Đại học lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-BNN-XD ngày 13/7/2009 về việc Phê duyệt dự án Thiết kế quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 209-2020 Thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ văn bản số 198/PHĐHLN-QLĐT&TB ngày 08/12/2025 của Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc đề nghị phê duyệt chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đầu tư và Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô diện tích quy hoạch: Khoảng 18,3 ha;
2. Địa điểm: Ấp 5 – xã Trảng Bom – tỉnh Đồng Nai;
3. Ranh giới khu đất : Phía Đông giáp đường Lê Hồng Phong và đường Phạm Văn Thuận, phía Nam giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phía Tây giáp đường Trần Phú, phía Bắc giáp đường 19/8;
4. Tổng mức đầu tư: 995.000.000 đồng
Bằng chữ: Chín trăm chín mươi lăm triệu đồng.
5. Nguồn vốn: Quỹ phát triển sự nghiệp của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai
6. Thời gian thực hiện: Năm 2025-2026;

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Giao Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai tổ chức điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng Phòng Quản lý đầu tư, Giám đốc Phân hiệu trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai và



Trưởng các đơn vị, cá nhân thuộc Trường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *HL*

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng;
- PH ĐHLN Đồng Nai;
- Lưu VT, QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Văn Điền

TRƯỜNG

Số: 1388/QĐ-PHĐHLN-QLĐT&TB

Đồng Nai, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm Nghiệp tại tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC

PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghi



định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 35/2023/TT-BTC ngày 31/5/2023 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định các đồ án quy hoạch;

Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1870/QĐ-ĐHLN-QLĐT ngày 17/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-PHĐHLN-QLĐT&TB ngày 22/12/2025 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự toán chi phí điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đầu tư và Thiết bị tại Tờ trình số 200/TTr-PHĐHLN-QLĐT&TB ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm Nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm Nghiệp tại tỉnh Đồng Nai với các nội dung chi tiết tại phụ lục Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư đính kèm.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Căn cứ Kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư được phê duyệt tại Quyết định này, Phòng Quản lý đầu tư và Thiết bị, Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu theo đúng kế hoạch được phê duyệt đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, tuân thủ đúng quy định hiện hành về quản lý đầu thầu. Thực hiện các quy trình lựa chọn nhà thầu theo Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Cung cấp đầy đủ thông tin trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia theo Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Phòng Quản lý đầu tư và Thiết bị, các bộ phận thuộc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT&TB.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH PHÂN HIỆU**



Nguyễn Sỹ Hà



PHỤ LỤC

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

Dự án: Điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm Nghiệp tại tỉnh Đồng Nai
theo Quyết định số: 1388/QĐ-PHDHLN-QLĐT&TB ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng

Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức LCNT	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu	
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu											
1	Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai	Gói thầu số 01: Tư vấn khảo sát và lập bản đồ	Khảo sát và lập bản đồ	128.225.496	Quỹ phát triển sự nghiệp	Chỉ định thầu rút gọn		10 ngày	Quý I năm 2026	Trọn gói	30 ngày	Không	Không	
2		Gói thầu số 02: Tư vấn giám sát công tác khảo sát	Giám sát công tác khảo sát	5.069.264	Quỹ phát triển sự nghiệp	Chỉ định thầu rút gọn		10 ngày	Quý I năm 2026	Trọn gói	30 ngày	Không	Không	
3		Gói thầu số 03: Tư vấn lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500	Lập nhiệm vụ quy hoạch, lập (đồ án) quy hoạch điều chỉnh và lập hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý (GIS)	724.196.411	Quỹ phát triển sự nghiệp	Chỉ định thầu rút gọn		10 ngày	Quý I năm 2026	Trọn gói	Trọn gói	120 ngày	Không	Không
Tổng giá gói thầu													857.491.171 đồng	

Số: 110/QĐ-PHĐHLN-QLĐT&TB

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
V/v Phê duyệt kết quả chỉ định thầu

Gói thầu: Gói thầu số 03: Tư vấn lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

Dự án: Điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm Nghiệp tại tỉnh Đồng Nai

Địa điểm: Ấp 5, xã Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC
PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 05/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài Chính: Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 990/QĐ-BNNMT ngày 21/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1870/QĐ-ĐHLN-QLĐT ngày 17/12/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lâm nghiệp về việc phê duyệt chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-PHĐHLN-QLĐT&TB ngày 22/12/2025 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt dự toán chi phí điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;



Căn cứ Quyết định số 1388/QĐ-PHĐHLN-QLĐT&TB ngày 29/12/2025 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ nội dung Biên bản hoàn thiện hợp đồng ngày 10/01/2026 giữa Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai và Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Devic Group Việt;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đầu tư và Thiết bị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả chỉ định gói thầu: Gói thầu số 03: Tư vấn lập hồ sơ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Đơn vị được chỉ định thầu: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Devic Group Việt.

Địa chỉ: Số 927 Bùi Văn Hòa, khu phố 34, phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai

2. Giá trị chỉ định thầu: **724.196.411 đồng**

(Bằng chữ: Bảy trăm hai mươi tư triệu một trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm mười một đồng)

3. Loại hợp đồng: Trọn gói.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 120 ngày.

5. Nguồn vốn: Quỹ phát triển sự nghiệp.

Điều 2. Giao Phòng Quản lý đầu tư và Thiết bị có trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị và cá nhân trong Trường có liên quan, Giám đốc Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Devic Group Việt chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT&TB.

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH PHÂN HIỆU**



Nguyễn Sỹ Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRẢNG BOM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 650 /UBND-KT

Trảng Bom, ngày 06 tháng 02 năm 2026

V/v chấp thuận chủ trương lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Kính gửi:

- Phòng Kinh tế;
- Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025;

Căn cứ Văn bản số 1931/SoXD-QLQH&PTĐT ngày 27/8/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai V/v hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác lập - thẩm định - trình duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn theo Luật định có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

Qua xem xét kiến nghị của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai theo Tờ trình số 39/TTr-PHĐHLN ngày 03/2/2026 và Báo cáo số 144/BC-KT ngày 05/2/2026 của Phòng Kinh tế xã, Chủ tịch UBND xã có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai tổ chức lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Phòng Kinh tế xã chủ trì, hướng dẫn Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai thực hiện các bước lập hồ sơ quy hoạch theo quy định; tổ chức thẩm định và trình UBND xã phê duyệt theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai chủ động liên hệ với Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện các công việc nêu trên.

Trên đây là ý kiến chấp thuận chủ trương lập điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai của Chủ tịch UBND xã Trảng Bom, đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. *M*

Nơi nhận: *M*

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Chánh, Phó Chánh VP HĐND - UBND xã;
- Lưu: VT, KT (Thiên).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



M
Phan Trung Tính

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG TRẮNG BOM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị và Nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/06/2025 của Quốc hội khóa XV, Kỳ họp thứ 9 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1662/NQ-UBTVQH15 ngày 16/06/2025 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đồng Nai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 237/NQ-UBTVQH16 ngày 14/4/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập các phường thuộc tỉnh Đồng Nai (trong đó xã Trảng Bom được thành lập thành phường Trảng Bom);

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2026/TT-BXD ngày 22/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng” kèm theo QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 59/TTr-KTHTĐT ngày 18/05/2026 về việc trình phê duyệt Hồ sơ Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

I. TÊN HỒ SƠ: Nhiệm vụ điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

II. NỘI DUNG LẬP HỒ SƠ NHIỆM VỤ:

1. Phạm vi, quy mô lập quy hoạch:

a. Phạm vi, ranh giới:

Khu vực lập quy hoạch nằm tại thửa số 321, tờ bản đồ số 40 bản đồ địa chính phường Trảng Bom (trước đây dự án thuộc thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom), thành phố Đồng Nai, có tứ cận cụ thể như sau:

- Phía Đông: Giáp đường giao thông và khu dân cư;
- Phía Tây: Giáp đường Trần Phú;
- Phía Nam: Giáp đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa;
- Phía Bắc: Giáp đường 19/8.

b. Quy mô lập quy hoạch:

- Diện tích điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 là 182.534,7 m²:

+ Theo Quyết định số 1968/QĐ-BNN-XD ngày 13/07/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phê duyệt dự án Thiết kế quy hoạch chi tiết mặt bằng tổng thể Cơ sở 2 Đại học Lâm nghiệp giai đoạn 2009-2020 tại thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai là 183.883 m²;

+ Bản đồ đo đạc và chỉnh lý thửa đất số 4937/2025 tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai phát hành ngày 30/12/2025 thì thửa đất số 182, tờ bản đồ số 40, xã Trảng Bom (nay là phường Trảng Bom) được tách thành 02 thửa gồm thửa đất số 321 với diện tích 182.534,7 m² (đã được VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai cấp GCN số AA 07040618 ngày 11/03/2026) và thửa đất số 322 với diện tích 3.477,1 m² (đã được VP ĐKĐĐ tỉnh Đồng Nai cấp GCN số AA 07040619 ngày 11/03/2026). Tuy nhiên toàn bộ diện tích thửa 322 lại hoàn toàn nằm trong quy hoạch đất giao thông; Mặt khác, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa giáp ranh phía Nam dự án cũng đã được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng nên ranh dự án ở phía Nam sẽ không biến động trong tương lai.

+ Do đó, đề xuất Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai với diện tích 182.534,7m² là hoàn toàn phù hợp với thực tế sử dụng đất hiện nay.

- Tỷ lệ lập quy hoạch: Tỷ lệ 1/500.

- Quy mô học viên: Khoảng 8.000 học viên.

- Quy mô lao động: Khoảng 300 công chức, viên chức và người lao động.

2. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch:

- Cụ thể hóa định hướng quy hoạch chung đô thị Trảng Bom đến năm 2045;

- Cụ thể hóa chiến lược phát triển Phân hiệu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục quốc gia;

- Định hướng phát triển không gian có tính đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển về quy mô, chất lượng, năng lực đào tạo, đặc biệt là đào tạo nghề...

- Kế thừa sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất hiện có, định hướng đầu tư xây dựng có tổ chức và quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt, tạo cảnh quan môi trường sư phạm và đảm bảo chất lượng đào tạo.

- Là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng Trường theo từng giai đoạn.

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

- Là cơ sở giáo dục đại học hàng đầu về đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu và phát triển, chuyển giao khoa học công nghệ về lĩnh vực lâm nghiệp, tài nguyên môi trường, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế chính sách và quản lý, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Quy hoạch cải tạo và xây dựng mới các công trình nhằm tăng cường cơ sở vật chất cho Trường, phục vụ công tác học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, ứng dụng và khảo nghiệm các tiến bộ kỹ thuật trong nước cũng như ngoài nước, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật dự kiến áp dụng:

a. Các chỉ tiêu sử dụng đất:

- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07:2023/BXD của Bộ Xây dựng.

* Mật độ xây dựng gộp toàn dự án: $\leq 40\%$.

* Tỷ lệ đất khu cây xanh, TĐTT: $\geq 30\%$.

* Tầng cao tối đa:

Stt	Hạng mục	Tầng cao tối đa (tầng)
1	Khu hành chính	8
2	Khu học tập, nghiên cứu	8
3	Khu ký túc xá	8
4	Khu dịch vụ	3
5	Khu giáo dục thể chất	3
6	Khu thực nghiệm, thực hành	3
7	Khu cây xanh, mặt nước	1

* Quy mô chỗ để xe:

- Đảm bảo đủ chỗ để xe cho số lượng xe của 30% đến 60% tổng số học sinh, sinh viên và từ 60% đến 90% tổng số giảng viên, cán bộ, nhân viên;

- Tiêu chuẩn diện tích: 0,9m²/xe đạp; 3m²/xe máy; 25m²/ôtô. Tính toán lựa chọn loại xe phù hợp với nhu cầu thực tế sử dụng.

b. Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

* Tiêu chuẩn cấp nước:

- Cấp nước sinh hoạt: ≥ 80 lít/người/ngày đêm.
 - Cấp nước công trình công cộng, dịch vụ: $\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt.

+ Cấp nước trường học: ≥ 15 lít/học sinh/ngày đêm.

+ Cấp nước nhà, CTCC, dịch vụ: ≥ 2 lít/m² sàn/ngày đêm.

- Nước tưới cây, rửa đường: $\geq 8\%$ lượng nước sinh hoạt.

+ Nước tưới cây: ≥ 3 lít/m²/ngày đêm.

+ Nước rửa đường: $\geq 0,4$ lít/m²/ngày đêm.

* Tiêu chuẩn thoát nước thải: 100% nước cấp sinh hoạt.

* Tiêu chuẩn cấp điện:

- Trường đại học: ≥ 25 W/m² sàn;

- Chiếu sáng đường: ≥ 1 W/m²;

* Tiêu chuẩn về thông tin liên lạc:

- Thuê bao cố định (điện thoại và Internet có dây): 01 máy/văn phòng.

- Mạng thông tin di động đảm bảo phủ sóng toàn bộ khu vực quy hoạch.

* Chỉ tiêu rác thải: $\geq 0,9$ kg/người-ngày.

5. Yêu cầu về nội dung chính của đồ án:

- Xác định phạm vi, quy mô diện tích lập quy hoạch; phân tích, đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên, quy mô phục vụ, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá hiện trạng các dự án đầu tư phát triển đã hoặc đang được triển khai thực hiện. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết;

- Xác định mục tiêu lập quy hoạch; đánh giá sự phù hợp với các yêu cầu, định hướng chính tại quy hoạch chung đô thị Trảng Bom đến năm 2045;

- Lựa chọn chỉ tiêu đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật áp dụng cho toàn khu vực lập quy hoạch; xác định quy mô phục vụ, đất đai, các nhu cầu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đối với phạm vi quy hoạch;

- Xác định chức năng sử dụng đất, quy mô diện tích, số người, chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng lô đất trong phạm vi quy hoạch; chỉ giới xây dựng công trình đối với từng lô đất và trên các trục đường;

- Xác định yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực lập quy hoạch và yêu cầu về bố trí công trình đối với từng lô đất (chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác); tổ chức cây xanh, sân vườn và mặt nước trong phạm vi quy hoạch; xác định vị trí, quy mô các công trình, khu vực đặc trưng cần kiểm soát và các nội dung quy định để kiểm soát thực hiện theo quy hoạch;

- Thiết kế đô thị: Xác định các công trình điểm nhấn trong phạm vi quy hoạch theo các hướng tầm nhìn, tầng cao xây dựng công trình cho từng lô đất và

cho toàn khu vực; khoảng lùi của công trình trên từng trục đường và nút giao; xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc; hệ thống cây xanh, mặt nước;

- Xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm (nếu có);

- Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất; xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung (nếu có) về vị trí, quy mô bãi đỗ xe; xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô khu vực cấp nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết; xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây cấp điện và chiếu sáng; xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc; xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô công trình xử lý nước thải.

- Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường;

- Đề xuất giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện.

6. Các nội dung chính dự kiến điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500:

Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai với các nội dung chính dự kiến điều chỉnh như sau:

- Điều chỉnh quy mô diện tích, ranh giới dự án do ảnh hưởng bởi các tuyến đường giáp ranh dự án đã được đầu tư xây dựng ngoài thực địa và đối soát lại ranh các khu vực kế cận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất số AA 07040618 đã được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai cấp đổi ngày 11/03/2026;

- Phương án quy hoạch được duyệt trước đây chưa bố trí Trạm xử lý nước thải cho dự án, do đó phương án điều chỉnh quy hoạch cần phải bố trí Trạm xử lý nước thải theo quy định hiện hành;

- Do ranh dự án thay đổi, nên thay đổi toàn bộ diện tích, tỷ lệ các khu chức năng trong cơ cấu sử dụng đất của dự án.

7. Các yêu cầu về hồ sơ, sản phẩm quy hoạch:

Thực hiện theo Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng về Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025);

8. Các quy định về lấy ý kiến:

Thực hiện theo Điều 36, Điều 37 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025).

9. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt: UBND phường Trảng Bom.

- Cơ quan thẩm định: Hội đồng thẩm định Quy hoạch đô thị và nông thôn phường Trảng Bom.

- Chủ đầu tư: Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.
- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Công ty TNHH Kiến trúc Xây dựng Devic Group Việt.
- Nguồn vốn lập quy hoạch: Quỹ phát triển sự nghiệp của Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.
- Cơ quan thỏa thuận: Sở Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND phường, Trưởng các Phòng: Kinh tế Hạ tầng và đô thị, Văn hóa – Xã hội; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND phường (Báo cáo);
- Chủ tịch, các phó CT.UBND phường;
- Chánh, phó VP.HĐND-UBND phường;
- Lưu: VT (UBP, KTHTĐT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trung Tính

Số: 157 /TB-UBND

Trảng Bom, ngày 12 tháng 6 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai lấy ý kiến đối với
hồ sơ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024 của Quốc hội; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 34/2026/TT-BXD ngày 22/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025;

Căn cứ Văn bản số 1931/SoXD-QLQH&PTĐT ngày 27/08/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Nai về việc V/v hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến công tác lập - thẩm định - trình duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn theo Luật định có hiệu lực từ ngày 01/07/2025.

Thực hiện theo Văn bản số 4211/SoXD-QLQH&PTĐT ngày 27/10/2025 của Sở Xây dựng về việc hướng dẫn lấy ý kiến cộng đồng dân cư có liên quan khi lập quy hoạch đô thị và nông thôn.

Ngày 05/6/2026, Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai có hồ sơ kèm Tờ trình số 125/TTr-PHĐHLN về việc đề nghị thẩm định điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Nay UBND phường Trảng Bom niêm yết công khai hồ sơ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai để cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư có liên quan được biết và đóng góp ý kiến:

1. Nội dung niêm yết, lấy ý kiến:

Hồ sơ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai, gồm có:

- Thuyết minh đồ án (dự thảo).
- Hệ thống bản vẽ điều chỉnh quy hoạch (dự thảo).
- Các hồ sơ tài liệu có liên quan.

2. Địa điểm niêm yết: Tại trụ sở UBND phường Trảng Bom và các địa điểm công cộng khác theo quy định.

3. Thời gian niêm yết công khai và lấy ý kiến là: 20 ngày bắt đầu từ ngày 15 tháng 6 năm 2026.

4. Hình thức và nội dung lấy ý kiến:

Người dân có thể xem trực tiếp bản vẽ, thuyết minh hồ sơ quy hoạch được trưng bày, niêm yết hoặc các phương tiện thông tin đại chúng của phường.

Tiếp nhận ý kiến đóng góp của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan bằng Phiếu đóng góp ý kiến tại Trụ sở UBND phường Trảng Bom (Liên hệ Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, số điện thoại: 0986.184.189). Các ý kiến đóng góp sẽ được tổng hợp và gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét để tiếp thu hoặc giải trình trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch.

Thông báo này được niêm yết tại Trụ sở UBND phường Trảng Bom và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của phường Trảng Bom.

Trên đây là Thông báo của UBND phường Trảng Bom về việc niêm yết công khai lấy ý kiến cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư có liên quan hồ sơ Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy-HĐND-UBND-UBMTTQVN phường;
- CT; các PCT UBND phường;
- Các Ban, Ngành đoàn thể phường;
- Phòng Văn hóa xã hội (để đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của phường Trảng Bom);
- Ban Lãnh đạo Khu phố;
- Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai (phối hợp);
- Lưu VT, KTHTĐT (Thiên).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Trung Tính